TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS- ST
Ngày 03-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Lê Văn Tỵ

2. Ngô Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2020/QĐXXST-DS ngày 10/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2020/QĐST-DS, ngày 19/6/2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Phan Thị E, sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Trần Thị Trúc L, sinh năm 1983; Nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trần Tuấn K, sinh năm 1983; Nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà E có Mặt, anh K có đơn xin vắng mặt, chị L vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa bà Phan Thị E trình bày: Ngày 10/3/2017 bà có cho bà Trần Thị Trúc L vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thỏa thuận 01 tháng sau sẽ trả tiền. Hết thời hạn 01 tháng bà yêu cầu bà L trả số tiền 40.000.000 đồng nhưng bà L không trả nên bà có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P giải quyết. Đến ngày 26/3/2020 tại buổi hòa giải bà L thừa nhận còn thiếu bà số tiền 40.000.000 đồng và hứa trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng bà

không đồng ý. Nay bà yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền còn thiếu là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chị Trần Thị Trúc L vắng mặt tại Tòa cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 của bà Phan Thị E đối với chị Trần Thị Trúc L thì vụ án có quan hệ tranh chấp là " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Xác định bà Phan Thị E là nguyên đơn, bà Trần Thị Trúc L là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Chị Trần Thị Trúc L có nơi cư trú tại xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khỏan 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho chị Trần Thị Trúc L đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng chị L vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng chị L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L là phù hợp.

Ngày 29/5/2020 bà Phan Thị E là nguyên đơn có xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà E yêu cầu chị Trần Thị Trúc L trả số tiền còn thiếu là 40.000.000 đồng, không yêu cầu anh Trần Tuấn K liên đới trả số nợ trên cùng chị L. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà E là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Tòa ghi nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn chị Trần Thị Trúc L có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chỉ có lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo biên nhận nhận tiền đề ngày 10/03/2017 (dl) thể hiện chị L có ký tên nhận tiền và cũng tại biên bản hòa giải ngày 26/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp chị L cũng thừa nhận chị còn thiếu bà E 40.000.000 đồng; Sau khi Tòa án thụ lý đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng chị L không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Trần Thị Trúc L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định là: 40.000.000 X 5% = 2.000.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 217 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị E

Buộc chị Trần Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị E số tiền nợ vay còn thiếu là 40.000.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Trần Thị Trúc L phải có nghĩa vụ nộp là 2.000.000 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng cho chị Trần Thị Trúc L theo biên lai thu số 0010449 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm